TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-01-2022.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan

2. Ông Huỳnh Phước Tỷ

- Thư ký phiên tòa: Bà Thị Thúy Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 99/2021/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXX-HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Minh L, sinh năm 1979 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Ngô Thanh Đ, sinh năm 1979 (có mặt).

Cùng địa chỉ ấp Trung Đ, xã An Minh B, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/05/2021 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Phan Minh L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phan Minh L và anh Ngô Thanh Đ (gọi tắt là chị L, anh Đ) chung sống như vợ chồng từ năm 1997 đến nay, nhưng không có đăng ký kết

hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chị L, anh Đ chung sống hạnh phúc được hơn 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp. Anh Đ có quan hệ bất chính với một người phụ nữ khác, nhiều lần chị L khuyên anh Đ sửa đổi nhưng anh không thay đổi, mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị L, anh Đ ly thân từ tháng 6/2017 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị L, anh Đ có 02 người con chung tên Ngô Ngọc Đ, sinh năm 1998 và Ngô Ngọc T, sinh năm 2000 (các con đều trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết).

Về tài sản chung: Vợ chồng chị L, anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung, chị L xác định không có nợ và cũng không ai nợ vợ chồng chị.

***Tại biên bản hòa giải ngày 22/11/2021 anh Ngô Thanh Đ trình bày*:**

Anh Điền thống nhất theo lời trình bày của chị L là đúng.

Về hôn nhân: Vợ chồng anh Đ, chị L không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra cự cãi, do không hợp. Chị L yêu cầu ly hôn anh Đ đồng ý.

Về con chung và chia tài sản chung: Anh Đ thống nhất theo lời trình bày của chị L. Anh Đ không yêu cầu Tòa án xem xét.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Đơn xin xác nhận ngày 26/10/2021 của chị Phan Minh L về việc chị L, anh Đ không có đăng ký kết hôn; sổ hộ khẩu và giấy chứng minh nhân dân và giấy khai sinh tên Ngô Ngọc Đ, Ngô Ngọc T.

Bị đơn cung cấp: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. **Về hôn nhân:** Chị L và anh Đ sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay không có đăng ký kết hôn. Tại phiên hòa giải ngày 22/11/2021 chị L, anh Đ thuận tình ly hôn nhưng do không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh Đ, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ là không hợp pháp.

[2]. **Về con chung:** Chị L, anh Đ có 02 người con chung Ngô Ngọc Đ, sinh năm 1998 và Ngô Ngọc T, sinh năm 2000. Hai con đều trưởng thành chị L, anh Đ không yêu cầu HĐXX xem xét.

[3]. **Về tài sản chung:** Chị L, anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Nợ chung: Chị L, anh Đ xác định không có nợ chung và cũng không có ai nợ anh, chị.

[4] **Về án phí:** Chị Phan Minh L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003045 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 1 khoản 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Minh L và anh Ngô Thanh Đ.

2. *Về con chung*: Cháu Ngô Ngọc Đ, sinh năm 1998 và Ngô Ngọc T, sinh năm 2000 (đã trưởng thành).

3. *Về tài sản chung:* Chị L, anh Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Không có.

4. *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Chị Phan Minh L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003045 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/01/2022).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND huyện UMT;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*: *Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Hoàng